

HÔN LỄ CỦA NG- ÒI ĐAN LAI

LÝ HÀNH SON

Ng- òi Đan Lai là một trong các nhóm địa ph- ơng tộc ng- òi Thổ, c- trú chủ yếu ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Theo báo cáo của Phòng Thống kê huyện Con Cuông, tính đến tháng 6 năm 2004, trên địa bàn huyện có 2.906 ng- òi Đan Lai, phân bố tập trung ở 2 xã Châu Khê và Môn Sơn. Riêng ở xã Châu Khê, theo kết quả điều tra năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã, cả xã có 2 bản ng- òi Đan Lai là Châu Sơn và Khe Bú; trong đó, bản Khe Bú có 110 hộ, 602 khẩu; bản Châu Sơn có 162 hộ, 722 khẩu¹. Do có dân số ít, lại trong điều kiện tác động của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ng- òi Đan Lai đang đứng tr- ớc những thách thức lớn đối với việc gìn giữ một số đặc điểm văn hoá của mình.

Cho tới nay, ng- òi Đan Lai ở n- ớc ta đã đ- ợc đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu nh- : *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* của các tác giả Lã Văn Lô, Nguyễn Hữu Thấu, Mai Văn Trí, Ngọc Anh và Mạc Nh- Đ- ờng (1959); *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam* của V- ơng Hoàng Tuyên (1963); *Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ* của Mạc Đ- ờng (1964); *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam* của Viện Dân

tộc học (1975); *Các dân tộc ít ng- òi ở Việt Nam* của Viện Dân tộc học (1978); *Dân số và dân số tộc ng- òi ở Việt Nam* của Khổng Diễn (1995)... Các công trình này giới thiệu về một số khía cạnh văn hoá - xã hội của ng- òi Đan Lai nh- tên gọi, nguồn gốc lịch sử, dòng họ, dân số... Từ những năm 1970 thế kỷ XX đến nay hầu nh- vắng những công trình nghiên cứu về văn hoá của ng- òi Đan Lai, trong khi văn hoá của họ ngày càng biến đổi bởi sự tiếp thu văn hóa từ tộc ng- òi khác. Bài viết này xin đề cập về hôn lễ của nhóm ng- òi này.

Nghiên cứu tại thực địa cho thấy, về tập quán, hôn lễ của ng- òi Đan Lai cũng diễn ra theo một quy trình t- ơng tự nh- ở một số tộc ng- òi, nhất là ng- òi Thái. Đó là việc đôi trai gái tìm hiểu nhau, nhà trai đi hỏi c- ới theo quy định của tập quán, tổ chức lễ c- ới, đôi vợ chồng trẻ làm lễ lại mặt... Bởi vậy, các thể thức hôn lễ ở ng- òi Đan Lai hiện nay có không ít yếu tố vừa t- ơng đồng vừa khác biệt so với ng- òi Thái ở cùng địa ph- ơng.

1. Một số điều kiện liên quan đến hôn lễ

Giống nh- nhiều tộc ng- òi khác, ng- òi Đan Lai quan niệm rằng hôn lễ là quá trình thực hiện các nghi lễ dựng vợ gả chồng của các bậc cha mẹ cho những đứa con đã đến tuổi kết hôn. Điều kiện quan trọng tr- ớc tiên để tiến hành các thể thức hôn lễ là đôi trai gái đã đến tuổi kết hôn. Theo lời kể của ông

¹ Tuy nhiên, ở đây đã tính cả ng- òi Ly Hà (cũng là một nhóm địa ph- ơng của dân tộc Thổ), bởi vì theo số liệu thống kê của huyện Con Cuông chỉ có ng- òi Kinh, Thái, Hoa và Đan Lai. Còn theo con số thống kê của xã Châu Khê thuộc huyện Con Cuông thì xã này có ng- òi Kinh, Thái và Đan Lai.

La Thế Kỷ, 54 tuổi vào năm 2004, ng-ời Đan Lai ở bản Châu Sơn (xã Châu Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An), x- a kia tuổi kết hôn của thanh niên nam nữ ng-ời Đan Lai khá sớm, th-ờng bắt đầu từ 15, 16 tuổi. Khi đó, ng-ời con gái ngoài 20 tuổi đ-ợc cộng đồng bản coi là khó lấy chồng. Cũng theo ông La Thế Kỷ, nam thanh niên ng-ời Đan Lai tr-ớc đây thích lấy vợ già hơn vài tuổi, bởi vậy có thể ng-ời con trai đ-ợc 14, 15 tuổi đã xây dựng gia đình. Có lẽ đây là điểm chung so với nhiều tộc ng-ời thiểu số ở miền núi n-ớc ta. Hiện nay, do ngày càng tăng c-ờng giao l- u văn hoá, nhất là có sự tác động th-ờng xuyên từ các cuộc vận động xây dựng nếp sống mới của các đoàn thể ở địa ph-ơng, tuổi kết hôn của nam nữ thanh niên ng-ời Đan Lai đã đ-ợc nâng lên nhiều, trong đó sớm nhất là 17, 18 tuổi và ng-ời đàn ông th-ờng lấy vợ trẻ nh- ở các tộc láng giềng. Tuy nhiên, việc tiến hành các nghi lễ hỏi c-ới của các bậc cha mẹ ng-ời Đan Lai vẫn diễn ra với thời gian sớm hơn, từ khi con cái họ đ-ợc 16, 17 tuổi, thậm chí mới 15 tuổi.

Một trong những điều kiện quan trọng khác là đôi bên trai, gái phải thực hiện đúng nguyên tắc kết hôn đã đ-ợc tập quán quy định. Đối với ng-ời Đan Lai, từ tr-ớc đến nay mặc dù dân số không đông nh- ng thanh niên nam nữ vẫn phải lấy nhau theo nguyên tắc ngoại hôn dòng họ. Những ng-ời trong dòng họ tuyệt đối không đ-ợc kết hôn với nhau, nếu ai vi phạm sẽ phải chịu những hình phạt nghiêm khắc của bản nh- phải ăn thức ăn đựng trong máng lợn, hoặc bị đuổi đi nơi khác sinh sống (Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Anh Ngọc, 1975, tr. 467). Tr-ớc đây, việc hôn nhân ngoại tộc của ng-ời Đan Lai cũng rất hiếm. Thông th-ờng, họ chỉ kết hôn với ng-ời đồng tộc khác nhóm nh-

ng-ời Ly Hà hoặc Tày Poọng ở trong vùng. Đây là điểm t-ơng đồng với tộc ng-ời Thái trong cùng địa ph-ơng. Tuy nhiên, hiện nay do c- trú xen kẽ nên đã xuất hiện một số tr-ờng hợp kết hôn giữa ng-ời Đan Lai với ng-ời Thái. Chẳng hạn, qua điều tra vào năm 2004, tại bản Châu Sơn đã có 5 ng-ời Đan Lai kết hôn với ng-ời Thái. Đó là số ng-ời đàn ông Đan Lai lấy vợ ng-ời Thái, nếu kể cả phụ nữ Đan Lai đi lấy chồng ng-ời Thái thì sẽ nhiều hơn.

Điều kiện tiếp theo cũng không kém phần quan trọng là nhà trai phải chuẩn bị đầy đủ các lễ vật dẫn c-ới và phải chủ động tiến hành các nghi lễ hỏi vợ theo đúng tập quán cộng đồng Đan Lai. Lễ vật dẫn c-ới của ng-ời Đan Lai khá đa dạng, chủ yếu liên quan đến ăn uống, gia dụng, đồ mặc và trang sức... Đó là các thứ nh- áo, váy và khăn đội đầu cho cô dâu mặc ra cửa nhà bố mẹ để đi về nhà chồng; tiền mặt, vòng tay hay vòng cổ bằng bạc; dao, búa, xoong, nồi, bát ăn cơm; lợn, gà, r-ợu, cá suối, trâu cau, muối ăn, ruột non thân cây chuối rừng, củ đun... Nếu nhà trai ch- a có điều kiện chuẩn bị các thứ dẫn c-ới này có thể cho con trai đến nhà gái ở rể tạm để khi nào đời sống kinh tế khá mới tổ chức lễ c-ới đón con dâu và các cháu về sinh sống ở quê nội.

Đáng chú ý là, mặc dù phía nhà trai phải lo nhiều loại lễ vật dẫn c-ới nh- ng tập quán hỏi vợ của ng-ời Đan Lai lại khá đơn giản, chỉ có hai b-ớc. Tuy vậy, nhà trai vẫn phải biết khéo léo thực hiện để nhà gái chấp thuận.

2. Các nghi lễ chính

2.1. Lễ hỏi vợ

Theo ông La Văn Tiến (59 tuổi), vào năm 2004, ng-ời Đan Lai ở bản Châu Sơn

thuộc xã Châu Khê, chỉ khi đôi trai gái phải lòng nhau, cha mẹ con trai ng-ời Đan Lai mới tiến hành các nghi lễ liên quan đến hỏi vợ (*đây hai câu mái*). Khác với một số tộc ng-ời, ng-ời Đan Lai cũng nh- các nhóm ng-ời Ly Hà và Tày Poọng có tục lệ phổ biến và lâu đời là cho phép con trai, con gái trong những dịp hội hè hoặc tết lễ đ-ợc tự do tìm hiểu và trao đổi tâm tình với nhau. Vào những ngày này, có thể một ng-ời con trai nằm chuyện trò cùng vài ba ng-ời con gái hoặc ng-ợc lại, cũng có thể nhiều cặp cùng ngủ hoặc mỗi cặp ngủ riêng với nhau. Những đêm ngủ nh- vậy gọi là *ngủ mái (làm zạm com mai)*. Suốt thời gian đó, d- luận và tập quán cộng đồng bản Đan Lai là bức t-ờng vững chắc để loại trừ khỏi những đêm *ngủ mái* mọi ý nghĩ và hành động không đẹp đẽ ở đôi trai gái; do vậy, ngủ mái là kỷ niệm trong sáng trong đời sống con ng-ời Đan Lai ở đây (Viện Dân tộc học, 1978, tr. 97). Từ những đêm ngủ mái, đôi trai gái phải lòng nhau, buộc cha mẹ tiến hành các thể thức cho cuộc hôn nhân, trong đó hỏi vợ là thể thức khởi đầu. Nh- đã trình bày, nghi lễ hỏi vợ của ng-ời Đan Lai đ-ợc chia làm 2 b-ớc, cụ thể nh- sau:

B-ớc thứ nhất, nhà trai phải tìm đ-ợc một ng-ời làm mối và ng-ời đó th-ờng là phụ nữ nên gọi là mẹ mối (*mè lạm*). Mẹ mối phải đạt tiêu chuẩn là ng-ời có tuổi, còn chồng, không có tang, đông con, kinh tế gia đình khá giả, có uy tín, am hiểu tập quán của ng-ời Đan Lai và khéo léo trong ăn nói. Mẹ mối có nhiệm vụ cùng với 5 ng-ời phụ nữ khác trong dòng họ nhà trai mang đến nhà gái một bộ y phục nữ gồm áo, váy, khăn đội đầu và quần; 10 miếng trầu cau và 2 chai r-ợc cất. Ngày xuất phát từ nhà trai có thể chọn lấy một trong các ngày 2, 6, 16 và 26

âm lịch hàng tháng, chỉ kiêng không đi vào tháng 7 và tháng 8 âm lịch. Họ cho rằng hai tháng đó vừa m-a ngâu vừa đang trong thời kỳ chuyển mùa từ hè sang thu nên không đ-ợc tiến hành các nghi lễ liên quan đến c-ới xin. Trong ngày tốt đã chọn, đoàn nhà trai, trong đó có mẹ mối, phải đi một mạch đến nhà gái, không đ-ợc rẽ vào nhà khác nghỉ chân. Trên đ-ờng đi, họ kiêng nghe thấy tiếng hoẵng kêu, kỵ gặp ng-ời gánh thịt hoặc khiêng thú rừng săn bắn đ-ợc... Nếu gặp các tr-ờng hợp này thì phải lập tức quay trở về nhà để đi vào dịp khác hoặc thôi không đi hỏi đám này nữa. Theo quan niệm của ng-ời Đan Lai, các sự kiện đó là những điềm báo về sự không thành công trong việc tiến hành các nghi lễ hỏi c-ới hoặc sẽ gặp những trắc trở trong cuộc sống sau này của đôi trai gái nếu họ lấy nhau. Khi đến nhà gái, mẹ mối thay mặt đoàn nhà trai trao cho đại diện nhà gái các lễ vật mà đoàn mang theo. Nếu -ng thuận gả con gái, đại diện nhà gái rót r-ợc mời đoàn nhà trai và họ cùng nhau chuyện trò vui vẻ. Tr-ờng hợp nhà gái hoặc con gái không -ng thuận, ngày hôm sau nhà gái nhờ ng-ời trong dòng họ đem các lễ vật trên sang nhà mẹ mối để mẹ mối mang trả nhà trai.

Sau một thời gian, nếu thấy mọi việc đều thuận buồm xuôi gió, đoàn nhà trai lại đi đến nhà gái. Trong b-ớc đi hỏi c-ới lần thứ hai này, đoàn nhà trai phải có đủ 2 vợ chồng mẹ mối, anh hoặc chị em ruột của chàng rể t-ơng lai và một số ng-ời có uy tín trong dòng họ nhà trai. Tổng số ng-ời trong đoàn phải là số chẵn, bởi ng-ời Đan Lai cho rằng số chẵn biểu hiện cho sự no đủ, sự thành công và may mắn. Theo tập quán ng-ời Đan Lai, đợt này đoàn phải mang theo hai cái khay nhỏ sao cho mỗi khay có 10 miếng trầu cau và 1 chai r-ợc cất. Ngày xuất phát đ-ợc

chọn lấy một trong các ngày đẹp nh- đã đề cập và trên đ- ờng đi cũng phải kiêng gặ các điềm xấu đã kể. Khi mới đến nhà gái, ông mối (*y lam*) đại diện đoàn nhà trai lấy 2 khay trầu cau với 2 chai r- ợc đặt vào một chiếc mâm rồi bê đến để trong gian nhà khách ngay tr- ớc bàn thờ gia tiên nhà gái. Sau đó, ông mối đứng dậy và thận trọng xin phép đ- ợc hỏi ý kiến nhà gái về việc nhà gái quyết định cho con gái đi lấy chồng hay yêu cầu con trai đến ở rể tạm, nếu cho con gái đi lấy chồng thì nhà gái cần lấy những lễ vật gì với số l- ợng khoảng bao nhiêu. Thông th- ờng, để tổ chức một lễ c- ới, nhà gái ng- ời Đan Lai ở đây lấy 2 khoản lễ vật dẫn c- ới. Khoản thứ nhất gồm có: 1 con lợn sống nặng khoảng 40 đến 50 kg, 6 con gà sống, 2 chum r- ợc cần và 2 cái búa tốt. Khoản thứ hai gồm tiền mặt (tr- ớc kia ít nhất 1 nén tiền Gia Long, hiện nay khoảng 1.500.000 đồng), 1 con dao chặt, 150 con cá đã đ- ợc mổ l- ợc ướp muối hoặc sấy khô trên gác bếp², 1 ống tre muối ăn (khoảng 2 đến 3 kg), 1 sọt cơm chín, 1 sọt gạo và thêm 4 yến gạo nữa, 1 vòng tay bằng bạc, 1 con gà luộc có cả lòng gan và tiết, 2 cái xoong mới hoặc nồi nhỏ, 15 cái bát ăn cơm, từ 5 đến 8 gánh ruột non cây chuối rừng và từ 3 đến 5 gánh củi đun³. Nh- vậy, với các khoản lễ vật này, nhà trai ng- ời Đan Lai hầu nh- phải chuẩn bị đầy đủ những thứ cần thiết để tổ chức một bữa cỗ khá linh đình ở bên nhà gái, kể cả trang phục cho cô dâu mặc về nhà chồng.

Việc tiếp theo của b- ớc hỏi c- ới thứ hai này, đoàn nhà gái gồm bố mẹ của cô gái, chú bác và một số ng- ời có uy tín trong

dòng họ cùng nhau hội ý, thảo luận về những điều mà đại diện đoàn nhà trai đã đề nghị. Sau đó, đại diện bên nhà gái chính thức thông báo cho đoàn nhà trai biết về nguyện vọng của nhà gái. Đoàn nhà trai th- ờng phải chú ý lắng nghe để nhớ, không đ- ợc bỏ sót những gì mà bên nhà gái yêu cầu, bởi vì nếu bỏ sót thì sẽ rất phiền hà khi tổ chức lễ c- ới. Khi trao đổi xong, nhà gái mời đoàn nhà trai và anh em họ hàng ở lại ăn cơm. Tiếp theo, đoàn nhà trai đi về và nhanh chóng báo cáo kết quả cho bố mẹ con trai biết mà chuẩn bị làm lễ c- ới. Tr- ờng hợp nhà gái yêu cầu con trai đến ở rể thì đại diện đoàn nhà trai cũng phải sớm thông báo cho bố mẹ con trai biết để thu xếp thời gian cử ng- ời tiễn đ- a con trai đến nhà gái. Với ng- ời Đan Lai, từ tr- ớc đến nay vẫn duy trì tập quán lấy rể tạm với thời gian khoảng 3 năm, thậm chí còn lâu hơn nếu nhà trai nghèo không có khả năng tổ chức lễ c- ới hoặc nhà gái thiếu túng nhân lực sản xuất. Đây là điểm t- ơng đồng với nhiều tộc ng- ời ở miền núi. Trong thời gian ở rể, con trai đến c- trú hẳn bên nhà gái và làm việc cho nhà gái, thỉnh thoảng anh ta mới về thăm nhà mình. Khác với một số tộc ng- ời nh- Dao chẳng hạn, nếu ở rể lâu năm hoặc cả đời, con rể ng- ời Đan Lai vẫn đ- ợc mang họ của mình, tức không phải đổi họ sang họ của vợ và do vậy, con cái sinh ra vẫn đ- ợc mang họ của bố. Tuy nhiên, nếu cháu gái hoặc cháu trai đến tuổi lấy vợ lấy chồng thì mọi việc đều do bên ngoại đứng ra lo liệu, bên nội không đ- ợc tham gia. Đây là điểm vừa t- ơng đồng vừa khác biệt so với nhiều tộc ng- ời anh em.

2.2. Lễ c- ới

Lễ c- ới (*thín mìn pãng*) là kết quả của việc thực hiện các nghi lễ hỏi c- ới, đồng thời cũng là thành quả của cả quá trình

² Tr- ớc đây do đời sống khó khăn nên không có lợn sống, chỉ có 333 con cá suối đ- ợc mổ l- ợc và sấy khô.

³ Theo lời kể của ông La Thế Kỳ (54 tuổi), vào năm 2004, ng- ời Đan Lai ở bản Châu Sơn, xã Châu Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

chuẩn bị chu đáo với khả năng quyết tâm của gia đình nhà trai. Tr-ớc đây, ng-ời Đan Lai có thể tổ chức lễ c-ới vào thời gian bất kỳ trong năm, chỉ kiêng tháng 7 và tháng 8 âm lịch. Hiện nay, đa số gia đình th-ờng tổ chức lễ đó vào khoảng từ tháng 10 đến tháng 12 lịch âm, sau khi đã thu hoạch xong ngô, lúa. Tuy vậy, có không ít gia đình tổ chức c-ới vào tháng 1 hoặc tháng 2, kể từ khi hết tết Nguyên đán. Ngày c-ới cũng chỉ đ-ợc chọn lấy một trong các ngày 2, 6, 16 hoặc 26 của các tháng âm lịch, trừ hai tháng 7 và 8. Nh- vậy, việc chọn ngày c-ới của ng-ời Đan Lai khá đơn giản bởi vì họ không quan tâm đến những ngày mà theo quan niệm của một số tộc ng-ời khác cho là không tốt lành, chẳng hạn nh- ngày xung khắc với ngày sinh tháng đẻ của cô dâu, ngày sát chủ, ngày kim lâu...

Tr-ớc khi diễn ra lễ c-ới ở bên nhà gái, từ sáng sớm tinh mơ nhà trai cử một đoàn khoảng 20 ng-ời có cả nam và nữ để mang vác các lễ vật dẫn c-ới sang giao cho nhà gái, trong đó nhất thiết phải có cả ông, bà mối. Những ng-ời này phải không có tang, có kinh nghiệm nấu n-ớng và khéo léo phục vụ ăn uống. Giống nh- khi đi hỏi vợ, số l-ợng ng-ời trong đoàn phải chẵn. Đặc biệt, theo tập quán của ng-ời Đan Lai, bố mẹ chú rể không đi đến nhà gái để đón dâu. Trên đ-ờng đi đoàn không đ-ợc rẽ vào nhà khác, nếu thấy mệt do gánh vác thì nghỉ ở dọc đ-ờng. Khi vừa đến nhà gái, ông mối đại diện đoàn nhà trai trực tiếp bàn giao các lễ vật dẫn c-ới cho nhà gái. Đại diện đoàn nhà gái đứng ra tiếp nhận các lễ vật này, có đối chiếu cẩn thận với số l-ợng mà đại diện hai gia đình trai gái đã thoả thuận trong quá trình hỏi c-ới. Sau khi bàn

giao xong các lễ vật cho nhà gái, chỉ có 10 đến 12 ng-ời trong đoàn nhà trai ở lại nhà gái để phục vụ bếp núc, còn những ng-ời khác phải trở về nhà trai để làm bếp ở bên nhà trai. Trong đoàn làm bếp ở bên nhà gái có cả hai ông bà mối và chú rể. Họ có nhiệm vụ lấy n-ớc, nhóm lửa nấu n-ớng phục vụ một bữa cỗ tr- a tại nhà gái, sau đó đón dâu về nhà chồng. Tr-ớc hết, họ thịt con lợn vừa mới mang sang nhà gái, làm sạch rồi cắt lấy thủ, 4 cẳng chân và phần thịt bụng để bày mâm cúng báo tổ tiên nhà gái. Trong lễ cúng này, con rể phải vái lạy tổ tiên nhà vợ từ 3 đến 5 lạy.

Với ng-ời Đan Lai, từ tr-ớc đến nay, cỗ c-ới ở bên nhà gái chỉ đ-ợc ăn một bữa vào buổi tr- a tr-ớc khi cô dâu đi về nhà chồng. Còn ở bên nhà trai, th-ờng tổ chức 3 bữa: 1 bữa đ-ợc ăn vào lúc còn tờ mờ sáng tr-ớc khi đoàn gánh đồ dẫn c-ới lên đ-ờng sang nhà gái để làm cỗ ở bên đó, 1 bữa tr- a và 1 bữa tối, trong đó bữa tối khi cô dâu về đến nhà chồng là bữa cỗ chính. Trong ăn uống, các cụ ông đ-ợc bố trí ở những mâm bày cạnh bàn thờ tổ tiên, còn phía d-ới là những mâm của các cụ bà. Riêng thanh niên và các thành viên nhỏ tuổi thì ăn ở những mâm đặt trong gian bếp. Nếu ch- a đủ chỗ, họ chia làm nhiều l-ợt: ai đến tr-ớc đ-ợc bố trí cho ăn tr-ớc, ai đến sau thì ngồi uống n-ớc chờ cho đủ mâm mới ăn. Giống nh- nhiều tộc ng-ời anh em, ăn uống trong lễ c-ới, bất kể bên nhà gái hay nhà trai, ng-ời Đan Lai cũng kiêng làm vỡ bát đĩa, đánh rơi cốc chén, xô đẩy làm gãy bàn ghế, nhất là các tr-ờng hợp cãi cọ, đánh nhau... Những ng-ời họ hàng và xóm giềng cũng nh- khách mời th-ờng chỉ đến dự bữa cỗ

chính và đều có quà mừng, chủ yếu bằng hiện vật như vải mặc, chăn gối, đệm, chiếu, xoong, nồi, chậu, bát đĩa, phích... Gần đây cũng đã xuất hiện và ngày càng phổ biến việc mừng đám cưới bằng phong bì.

Tại nhà trai, vừa cơm trưa xong, gia chủ nhất thiết cử thêm một đoàn gồm 4 hoặc 6 người, gồm cả nam và nữ, để mang một mâm rượu đi tiếp đoàn đưa đón dâu ở dọc đường. Còn ở bên nhà gái, sau bữa trưa, khi cô dâu chuẩn bị ra cửa về nhà chồng, chú rể phải lạy 3 lạy bố mẹ vợ và anh em cô bác họ hàng nhà gái. Lúc chú rể lạy, cô dâu đứng bên cạnh như không phải lạy. Tiếp đến, đoàn nhà trai dọn 2 mâm cỗ dành riêng cho bố mẹ và ông bà cô dâu cùng với những người có uy tín trong họ hàng nhà gái ăn uống. Sau đó, ông mối đại diện đoàn nhà trai đứng dậy và khéo léo xin phép nhà gái cho đón dâu về nhà chồng. Đồng thời, ông mối cũng không quên cảm ơn bố mẹ cô dâu và mọi người trong họ hàng nhà gái đã tận tình giúp đỡ để đoàn nhà trai làm tốt mọi việc mà bố mẹ chú rể giao cho.

Sau 13 giờ chiều, cô dâu mặc váy, áo và đội khăn mới để chuẩn bị đi về nhà chồng⁴. Khi được phép ra cửa nhà gái, ông mối đi ra trước, rồi đến chú rể, sau đó bà mối cầm tay dắt cô dâu ra cùng. Theo sau cô dâu là đoàn đưa dâu của nhà gái, số lượng người không hạn chế như phải là số chẵn, trong đó có cả nam lẫn nữ, kể cả bạn bè của cô dâu. Thường tự nhiên nhiều tộc người, bố mẹ đẻ người Đan Lai không tiễn đưa con gái đi về nhà chồng. Song, có một điểm đáng lưu ý là hồi môn và đồ dùng cá

nhân của cô dâu thường để lại nhà bố mẹ đẻ; khi đôi vợ chồng trẻ trở lại làm lễ lại mặt mới mang chúng về. Thêm vào đó, việc đưa đón dâu của người Đan Lai không cần phù rể và phù dâu, không có tiếng âm vang của một loại nhạc cụ nào. Đây là điểm khác biệt so với một số tộc người như Thái, Hoa, Kinh ở cùng địa phương. Trên đường về nhà trai, đoàn đưa đón dâu được nghỉ ngơi uống rượu ở dọc đường do nhà trai cử người mang đến đón. Có điều là, sự kiêng kỵ hầu như đã hết, mọi người không cần để ý đến những gì xảy ra trên đường đi về nhà trai, đoàn chỉ kiêng đi vào nhà khác.

Khi về đến nhà trai, theo sự chỉ đạo của mẹ mối, cô dâu tự rửa chân bằng nước từ một chậu nước đã được chuẩn bị sẵn ở dưới chân cầu thang chính lên nhà. Tuy nhiên, cũng có trường hợp bà mối rửa chân cho cô dâu. Đáng chú ý là trong chậu nước này nhất thiết có một chiếc vòng bạc, nếu không có vòng bạc thì thay vào đó là vài hào bạc trắng hay đồ trang sức nào đó bằng bạc như vòng tay, nhẫn, hoa tai... Sau khi làm nghi lễ rửa chân, ông mối và bà mối đưa cô dâu chú rể lên cầu thang này, rồi vào nhà qua cửa chính và đi thẳng vào buồng. Trong dịp cưới, người Đan Lai kỵ đưa cô dâu xuống nhà bố mẹ đẻ qua cầu thang phụ, kể cả khi lên nhà chồng. Họ cũng kỵ làm thêm cầu thang mới, bởi đó là những việc trùng hợp với đám ma. Sau khi đôi vợ chồng trẻ và ông bà mối đã có mặt ở trong buồng, nhà trai cử người làm lễ cúng báo ma nhà tiếp nhận và phù hộ cho cô dâu. Khi cúng, bà mối đưa cô dâu ra gian thờ để vái lạy tổ tiên nhà chồng, lạy bố mẹ chồng

⁴ Cô dâu mặc bộ đồ mà nhà trai mang sang trong lúc hỏi cưới.

cùng với những ng-ời có uy tín trong họ hàng nhà trai. Khác với nghi lễ ở bên nhà gái, chú rể vẫn ở trong buồng với ông mối, không ra theo cô dâu. Sau khi lạy xong, cô dâu đi thẳng vào buồng để ông mối làm vía cho đôi vợ chồng trẻ. Tr-ớc khi làm vía, nhóm làm bếp dọn vào trong buồng một mâm cơm gồm: 1 con gà luộc, 4 bát cơm, 4 chén r-ợu và 2 cái chỉ đen để ông mối buộc vào cổ tay cô dâu, chú rể. Làm vía xong, cô dâu cùng chú rể và ông bà mối phải cùng nhau ăn hết mâm cơm này, không đ-ợc cho ng-ời khác ăn. Trong thời gian đó, ông bà mối có trách nhiệm dặn dò cô dâu chú rể về cách ăn ở, cách c- xử với mọi ng-ời trong gia đình và trong dòng họ nhà trai cũng nh- với mọi ng-ời bên nhà gái...

Khi tiến hành xong các nghi lễ trên, bữa cỗ chính thức ở bên nhà trai đ-ợc bắt đầu. Mọi ng-ời cùng nhau ăn uống và chúc tụng nhà trai lấy đ-ợc cô dâu mới. Tr-ớc đây, đồ ăn và uống chủ yếu gồm r-ợu cần, cá suối n-óng, thịt gà luộc, xôi và đặc biệt là món ruột non thân cây chuối rừng nấu canh với n-ớc luộc gà. Hiện nay có thêm r-ợu cất và một số món chế biến từ thịt lợn nh- luộc, xào, nấu canh với bắp cải hoặc su hào... Cách bố trí ăn uống cũng diễn ra t-ong tự nh- bữa cỗ tr- a ở bên nhà gái. Những ng-ời đàn ông có tuổi trong đoàn đ- a dâu nhà gái đ-ợc xếp ngồi ở mâm cạnh bàn thờ, nếu là phụ nữ thì ngồi cùng mâm với các cụ bà có uy tín trong dòng họ nhà trai. Sau bữa cỗ này, lễ c-ới coi nh- kết thúc nh-ng tùy theo từng gia đình, họ có thể tổ chức một số trò chơi để kéo dài cuộc vui, sau đó mọi ng-ời chia tay ra về. Giống nh- nhiều tộc ng-ời khác, ng-ời Đan Lai

không có tập quán tặng quà cho đoàn đ- a dâu nhà gái khi họ ra về.

2.3. Lễ lại mặt (làm ch-ớc)

Hai ngày sau khi mới c-ới, đôi vợ chồng trẻ và hai ông bà mối cùng đi làm lễ lại mặt tại nhà bố mẹ cô dâu. Họ mang theo 2 con gà luộc, 4 bát cơm chín và 1 chum r-ợu cần⁵. Sau khi đến nhà bố mẹ cô dâu, ông mối thận trọng lấy các lễ vật mang theo bày mâm cúng tổ tiên nhà bố mẹ cô dâu. Trong lễ cúng này, ông mối cầu mong tổ tiên nhà gái luôn phù hộ cho đôi vợ chồng trẻ mãi mãi th-ong yêu nhau, sống hạnh phúc, có nhiều con, làm ăn phát đạt, luôn đ-ợc cộng đồng quý mến... Sau đó, bố mẹ cô dâu mời thêm những ng-ời có uy tín trong dòng họ và trong bản đến cùng ăn uống, chia sẻ niềm vui với đôi vợ chồng trẻ. Khi đôi vợ chồng trẻ ra về, bố mẹ cho con gái 5 cái bát ăn cơm, nếu có tiền thì cho từ ba trăm đến bốn trăm nghìn đồng.

Hiện nay, do ảnh h-ởng bởi tập quán của ng-ời Thái láng giềng nên chỉ sau lễ lại mặt một vài ngày, nhiều đôi vợ chồng trẻ ng-ời Đan Lai mang một đôi gà với một ít quà có thể là khăn, áo, váy, bánh... sang nhà ông bà mối. Mục đích của cuộc viếng thăm này là để cảm ơn và tiếp tục nhận đ-ợc sự chỉ bảo của ông bà mối về các mối quan hệ gần bó giữa đôi vợ chồng, về cách làm ăn, cách c- xử với mọi ng-ời trong dòng họ và xóm giềng. Trong dịp này, ông bà mối nếu có quà nh- chăn, gối, đệm, tiền thì tặng cho đôi vợ chồng trẻ. Từ đó, nếu đôi vợ chồng trẻ ăn ở không hợp nhau hoặc

⁵ Chum r-ợu cần này đã nằm trong danh sách các lễ vật thách c-ới.

có xích mích với gia đình bố mẹ hay ng-ời hàng xóm... thì ông bà mới có trách nhiệm đứng ra giải quyết.

3. Một vài nhận xét

- Đan Lai là một trong các nhóm địa ph-ong của tộc ng-ời Thổ, có dân số khoảng 3.000 khẩu, c- trú ở hai xã Châu Khê và Môn Sơn thuộc huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Do th-ờng xuyên giao l-u tiếp xúc với ng-ời Thái nên ng-ời Đan Lai hiện nay chỉ còn duy trì đ-ợc một số rất ít đặc điểm văn hoá truyền thống, chủ yếu là các yếu tố liên quan đến ngôn ngữ, ăn uống, tổ chức dòng họ, tín ng-ỡng, nhất là nghi lễ gia đình, trong đó có hôn lễ.

- Hôn lễ của ng-ời Đan Lai vẫn chỉ diễn ra khi có đủ các điều kiện nh- đôi trai gái đã đến tuổi kết hôn theo quy định của cộng đồng, đảm bảo nguyên tắc ngoại hôn dòng họ, nhà trai phải chuẩn bị đủ các lễ vật dẫn c-ới và trực tiếp thực hiện đủ các thủ tục hỏi vợ, tổ chức lễ c-ới, đón dâu... theo phong tục.

- Những đặc điểm văn hoá ng-ời Đan Lai vẫn đ-ợc phản ánh rõ nét trong quá trình hôn lễ. Cụ thể là: việc *ngủ mái* của đôi trai gái; quá trình hỏi c-ới đơn giản nh- ng lễ vật thách c-ới khá nặng nề (nhà trai phải chuẩn bị đầy đủ những thứ liên quan đến bữa cỗ chính ở bên nhà gái, kể cả bộ trang phục cho cô dâu mặc về nhà chồng, một số đồ gia dụng cho nhà gái...); cách chọn ngày tháng tốt để tiến hành các thể thức của hôn lễ; khi đ- a đón dâu không có phù dâu phù rể, không đ-ợc mang của hồi môn và đồ dùng cá nhân của cô dâu về nhà chồng...

- Hôn lễ ở ng-ời Đan Lai cũng đã và đang ngày càng bị ảnh h-ởng từ văn hoá ng-ời Thái láng giềng. Đó là việc nhà trai lựa chọn ông bà mối và vị trí vai trò của ông bà này trong quá trình thực hiện các thể thức hôn lễ, cuộc viếng thăm ông bà mối ngay sau lễ lại mặt của đôi vợ chồng trẻ.

- Vấn đề đặt ra là, trong bối cảnh giao l-u và hội nhập nh- hiện nay, việc xây dựng đời sống văn hoá mới ở cộng đồng ng-ời Đan Lai đòi hỏi gấp rút tiến hành các cuộc khảo sát nghiên cứu sâu nhằm lựa chọn những yếu tố truyền thống tốt đẹp để gìn giữ và phát huy.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc ng-ời ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Lã Văn Lô, Nguyễn Hữu Thấu, Mai Văn Trí, Ngọc Anh, Mạc Nh- Đ-ờng (1959), *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Hà Nội.
3. V-ong Hoàng Tuyên (1963), *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam*, Hà Nội.
4. Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Anh Ngọc (1975), “Vài nét về ba nhóm Đan Lai, Ly Hà và Tày Poọng”, trong: *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.